

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hồng Khánh

Ông Lê Văn Bút

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong các ngày 24 đến 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/HSST ngày 27.11.2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HS ngày 23.02.2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/10/1985 tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Tiền án :

- Ngày 27/7/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 tại Bản án số 33/HSST

- Ngày 26/7/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS tại bản án số 23/HSST.

- Ngày 11/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS tại Bản án số 10/2016/HSST. Chấp hành xong ngày 26.12.2018.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/4/2020, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại: Ông Trần Quang S, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1988 và ông Phan Trọng T, sinh năm 1986; Cùng nơi cư trú: Tổ 64, phường H, quận L, tp Đà Nẵng. (Có mặt)

+ Bùi Như H, sinh năm 1954; Nơi cư trú: tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; Nơi cư trú: số 04 Đoàn Trần N, phường H, quận L, tp Đà Nẵng. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Tường V, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Tổ 2 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Việt T, sinh năm 1954; (Vắng mặt)

+ Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h00 ngày 13/3/2020, Nguyễn Ngọc Đ đang ở nhà tại tổ 02, thị trấn Đ Thọ, huyện Đ Thọ, tỉnh Hà Tĩnh thì Nguyễn Văn N điện thoại cho Đ rủ vào TP. Đà Nẵng để trộm cắp tài sản thì Đ đồng ý, cả hai hẹn gặp nhau tại nhà Đ. Sau đó, Đ và N mang theo xe mô tô, hiệu Honda Wave màu đỏ - đen, biển kiểm soát 38D1-147.01 đón xe khách từ thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh để đi vào TP Đà Nẵng. Đến nơi, Đ và N thuê nhà nghỉ (không rõ địa chỉ) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để nghỉ ngơi. Khoảng 7 giờ ngày 14/3/2020, do N biết đường tại TP Đà Nẵng vì từng sinh sống ở đây nên đã điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 38D1-147.01 chở Đ đi trên nhiều tuyến đường tìm nhà dân sơ hở đột nhập vào trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà ông Trần Quang S thấy khóa cửa, không có người ở nhà nên cả hai dừng xe máy lại. N đứng ngoài cảnh giới còn Đ đi vòng ra phía sau, quan sát phía sau nhà ông S, tường rào làm bằng gỗ, có một lỗ hổng cách mặt đất khoảng 02 mét một người có thể chui vào được nên Đ đột nhập vào nhà. Khi vào được bên trong, Đ đi lên gác lửng thấy có một thanh sắt

hình trụ tròn dài khoảng 60cm nên đã lấy mang xuống dưới tầng rệt, quan sát thấy một phòng ngủ bị khóa nên đã dùng thanh sắt phá ổ khóa ra. Vào phòng, Đ lục tìm trong chiếc tủ gỗ thì phát hiện một chiếc hộp hình chữ nhật bằng kim loại, bên trong có chứa 02 cọc tiền có nhiều tờ mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 198.000.000 đồng và 05 nhẫn vàng 99 mỗi nhẫn cân lượng 1 chỉ nên lấy trộm cất giấu trong người rồi quay ra lại bên ngoài theo lối đã đột nhập vào nhà. Sau đó, N và Đ điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 38D1-147.01 tẩu thoát.

Cả hai cùng nhau đi mua 3.000.000 đồng tiền ma túy rồi mang đến công viên 29/3 thuộc quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng sử dụng và tiếp tục điều khiển xe chở nhau đến khu vực chợ Hòa Khánh vào một tiệm vàng để mua 02 sợi dây chuyền hết tổng số tiền 30.000.000 đồng. Đ chọn mua một sợi dây chuyền bằng vàng trọng lượng 3,5 chỉ kèm 01 tượng mặt phật tổ bằng vàng; N chọn mua một sợi dây chuyền cũng bằng vàng như của Đ có trọng lượng 3,5 chỉ kèm 01 mặt tượng phật bằng đá màu xanh được bọc vàng xung quanh. Đến 17h cùng ngày, cả hai đón xe khách quay về lại Hà Tĩnh và chia nhau tài sản trộm cắp được tiêu xài cá nhân.

Khoảng 12h30 phút ngày 14/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hòa Vang tiếp nhận tin báo của ông Trần Quang S về việc kẻ gian đột nhập vào nhà của ông tại thôn Quang Châu, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng trộm cắp tài sản gồm: 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng) tiền mặt và 05 (năm) khâu vàng 99, mỗi khâu cân lượng 01 chỉ.

Qua quá trình xác minh, Cơ quan điều tra đã xác định hai đối tượng Nguyễn Ngọc Đ và Nguyễn Văn N có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản nói trên. Ngày 15/4/2020, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Ngọc Đ và Nguyễn Văn N đến làm việc thì đối tượng Đ khai nhận như trên.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình, còn đối tượng Nguyễn Văn N không thừa nhận hành vi phạm tội nói trên cùng Đ.

* Theo kết luận định giá tài sản số: 14/HĐĐG ngày 29/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Hòa Vang xác định tổng giá trị của 05 nhẫn vàng 99 mỗi nhẫn cân lượng 1 chỉ là 21.900.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105 gắn thẻ sim 0376028957 số imei 1: 357752107660305, số imei 2: 3577544100566505.

- Số tiền Việt Nam 536.000 đồng.

- 01 (một) thanh sắt trụ tròn, dài 50cm.

- 01 (một) hộp bánh bằng kim loại hình chữ nhật, có dòng chữ lớn CAFFEE xay trên mặt hộp bánh và xung quanh hộp bánh, kích thước hộp 30x20x7cm.

- 01 sợi dây chuyền vàng dài 50cm, rộng 0,4, có ký hiệu “KKT” và một mặt tượng phật màu xanh được bọc vàng xung quanh kích thước 2,5x2,5x2,5cm.
- 01 (một) mũ bảo hiểm, loại lưỡi trai màu đen có chữ “Trí Liễu”.
- 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, lưỡi trai màu đen có chữ “Nike”.
- 01 (một) quần dài màu, vải thun, màu xám.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu hồng, gắn thẻ sim số: 0989063432.
- 01 (một) CMND số 187915150 mang tên Nguyễn Văn N.

Bản cáo trạng số 72/CT- VKS ngày 27.11.2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn N từ 09 năm đến 10 năm tù; Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc Nguyễn Văn N tiếp tục bồi thường cho ông Trần Quang S số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh sắt trụ tròn, dài 50cm; 01 (một) hộp bánh bằng kim loại hình chữ nhật, có dòng chữ lớn CAFFEE xay trên mặt hộp bánh và xung quanh hộp bánh, kích thước hộp 30x20x7cm, 01 (một) mũ bảo hiểm, loại lưỡi trai màu đen có chữ “Trí Liễu”; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, lưỡi trai màu đen có chữ “Nike”; 01 (một) quần dài màu, vải thun, màu xám.

Tịch thu 01 sợi dây chuyền vàng dài 50cm, rộng 0,4, có ký hiệu “KKT” và một mặt tượng phật màu xanh được bọc vàng xung quanh kích thước 2,5 x 2,5 x 2,5 cm; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu hồng, gắn thẻ sim số: 0989063432 của Nguyễn Văn N để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Nguyễn Văn N 01 (một) CMND số 187915150 mang tên Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, Điều tra viên cũng như Kiểm sát viên đã

thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà pháp luật quy định. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp được chấp nhận để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Ngọc Đ đã thất cổ tự tử trong Trại tạm giam công an thành phố Đà Nẵng, cơ quan CSĐT công an huyện Hòa Vang đã đình chỉ khởi tố bị can đối với Nguyễn Ngọc Đ là có cơ sở.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình, còn đối tượng Nguyễn Văn N không thừa nhận hành vi phạm tội nói trên cùng Đ.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, cụ thể: bị cáo đã tham gia trộm cắp cùng Nguyễn Ngọc Đ vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14.3.2020 (phù hợp với trích xuất dữ liệu camera trên tuyến đường liên thôn Cồn Mong – Quang Châu) tại nhà ông Trần Quang S, sau khi lấy trộm tài sản thì Đ và bị cáo đã mua 02 sợi dây chuyền tại tiệm vàng K (Hòa Khánh, Đà Nẵng) trong đó có sợi dây chuyền vàng dài 50cm, rộng 0,4, có ký hiệu “KKT” và một mặt tượng phật màu xanh được bọc vàng xung quanh kích thước 2,5 x 2,5 x 2,5 cm mà cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo, Đ đã chia tiền cho bị cáo và bị cáo đã cho ba mẹ 10.000.000đ phù hợp lời khai của cha mẹ bị cáo (ông Nguyễn Viết T, bà Nguyễn Thị T) cũng như thể hiện trong tin nhắn mà bị cáo đã nhắn cho Đ vào ngày 14.4.2020, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để xác định: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14/3/2020, Nguyễn Ngọc Đ và Nguyễn Văn N đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông Trần Quang S trộm cắp số tiền 198.000.000đồng và 05 nhẫn vàng 99 mỗi nhẫn cân lượng 01 chỉ có giá trị là 21.900.000đ. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Ngọc Đ và Nguyễn Văn N chiếm đoạt của bị hại Trần Quang S là 219.900.000đ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 72/CT- VKS ngày 27.11.2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thì thấy: Trong vụ án này bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng với Đ nhưng giữa bị cáo và Đ không có sự bàn bạc trước về cách thức thực hiện hành vi, cũng vai trò cụ thể của từng người nên bị cáo chỉ phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Khi thực hiện hành vi phạm tội thì Nguyễn Ngọc Đ là người trực tiếp đột nhập vào nhà ông S lấy trộm tài sản với tổng

giá trị chiếm đoạt được là 219.900.000đ nhưng Đ chỉ nói với bị cáo N là lấy trộm được 100.000.000đ và 02 khâu vàng, đồng thời Đ chỉ chia cho N 30.000.000đ và 01 sợi dây chuyền trong tổng số tiền đã chiếm đoạt được, số tiền còn lại và 01 sợi dây chuyền Đ đã tiêu xài cá nhân. Mặc dù N tham gia với vai trò thấp hơn so với Đ, nhưng bản thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 36 tháng tù vào ngày 11/4/2016 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng là tái phạm, chấp hành xong ngày 26/12/2018 nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, do đó lần này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo cho thấy sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xét thấy cần thiết phải xét xử bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhằm giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và diễn biến giai đoạn đầu của phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên sau khi quay lại phần tranh tụng và xét hỏi tại phiên tòa thì bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 38D1-147.01 bị cáo dùng để chở Đ đi trộm, đây là xe của anh Nguyễn Thế Q gửi tại cửa hàng N, nơi ông Nguyễn Tường V (là cha Đ) làm việc, khi Đ lấy xe sử dụng xe thì anh Q không biết Đ dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã trả lại cho anh Q là có cơ sở.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại Trần Quang S yêu cầu bị cáo bồi thường $\frac{1}{2}$ số thiệt hại tương ứng với số tiền là 105.000.000đ, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông S số tiền 50.000.000đ, nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 55.000.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 536.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 gắn thẻ sim 0376028957 có số imei 1: 357752107660305, số imei 2: 35775441005665505, sau khi Nguyễn Ngọc Đ chết, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can đồng thời trả lại các tài sản trên cho ông Nguyễn Tường V là cha của Nguyễn Ngọc Đ, xét thấy đây là tang vật của vụ án, điện thoại di động hiệu Nokia 105 gắn thẻ sim 0376028957 được Đ sử dụng để liên lạc với Nguyễn Văn N rủ nhau đi trộm, đồng thời đây cũng là tài sản của Nguyễn Ngọc Đ, bản thân Đ cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp nên phải có

N vụ bồi thường cho bị hại Trần Quang S, do đó việc trả lại tang vật của vụ án là không đúng, Hội đồng xét xử kiến nghị đối với Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hòa Vang để rút kinh nghiệm về việc trả lại tang vật của vụ án, truy thu số tiền 536.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 gắn thẻ sim 0376028957 có số imei 1: 357752107660305, số imei 2: 3577544100566505, buộc người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Ngọc Đ là ông Nguyễn Tường V (cha ruột) giao nộp để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tang vật đang bị tạm giữ gồm: 01 (một) thanh sắt trụ tròn, dài 50cm; 01 (một) hộp bánh bằng kim loại hình chữ nhật, có dòng chữ lớn CAFFEE xay trên mặt hộp bánh và xung quanh hộp bánh, kích thước hộp 30x20x7cm không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 sợi dây chuyền vàng dài 50cm, rộng 0,4, có ký hiệu “KKT” và một mặt tượng phật màu xanh được bọc vàng xung quanh kích thước 2,5x2,5x2,5cm; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu hồng, gắn thẻ sim số: 0989063432 thu giữ của N, N xác định dây chuyền là để bồi thường cho ông S, còn điện thoại là của bà Nguyễn Thị Cẩm T cho mượn dùng, tại phiên tòa bà T cũng đồng ý giao nộp để bồi thường cho ông S, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm, loại lưỡi trai màu đen có chữ “Trí Liễu”; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, lưỡi trai màu đen có chữ “Nike”; 01 (một) quần dài màu, vải thun, màu xám của N, N không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) CMND số 187915150 mang tên Nguyễn Văn N tuyên trả lại cho N.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đ.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) ($55.000.000đ \times 5\% = 2.750.000đ$)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 16.4.2020.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên: Buộc Nguyễn Văn N tiếp tục bồi thường cho ông Trần Quang S số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Tịch thu 01 sợi dây chuyền vàng dài 50cm, rộng 0,4, có ký hiệu “KKT” và một mặt tượng phật màu xanh được bọc vàng xung quanh kích thước 2,5x2,5x2,5cm; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu hồng, gắn thẻ sim số: 0989063432 của Nguyễn Văn N để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh sắt trụ tròn, dài 50cm; 01 (một) hộp bánh bằng kim loại hình chữ nhật, có dòng chữ lớn CAFFEE xay trên mặt hộp bánh và xung quanh hộp bánh, kích thước hộp 30x20x7cm, 01 (một) mũ bảo hiểm, loại lưỡi trai màu đen có chữ “Trí Liều”; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, lưỡi trai màu đen có chữ “Nike”; 01 (một) quần dài màu, vải thun, màu xám.

Trả lại cho Nguyễn Văn N 01 (một) CMND số 187915150 mang tên Nguyễn Văn N.

(Hiện do chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04.12.2020)

Truy thu số tiền 536.000đ và (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 gắn thẻ sim 0376028957 có số imei 1: 357752107660305, số imei 2: 3577544100566505 của Nguyễn Ngọc Đ, buộc người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Ngọc Đ là ông Nguyễn Tường V (cha ruột) giao nộp để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Án xử công khai, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29.4.2021. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- VKSND tp ĐN;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Công an huyện Hoà Vang;
- Phòng Kiểm tra TAND tpĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương